

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2025/KDTM-PT**

Ngày: 16 – 01 – 2025.

V/v tranh chấp hợp đồng

Mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Mai Thị Thanh Tú

Các Thẩm phán:

1/ Bà Lưu Thị Đoan Trang.

2/ Bà Ngô Thị Phúc Hảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kim Oanh- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 và ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 235/KDTM-PT ngày 18/11/2024 về việc: “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1846/2024/KDTM-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6657/QĐPT-KDTM ngày 18/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐ-PT ngày 03/01/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại xây dựng H;

Địa chỉ: ĐT 885 ấp H, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện hợp pháp:

1/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: Phòng A1.06.02 Tòa nhà S, số 23 P, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Cao Hoàng H (có mặt),

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện B, Tỉnh Bến Tre.

3/ Ông Hồ Thanh H (có đơn đề nghị vắng mặt),

Địa chỉ: 60 N, phường H, Thành phố B, Tỉnh Bến Tre.

(Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2022 và ngày 12/6/2024);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tấn T, Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt.)

Bị đơn: Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2;

Địa chỉ: 340/44 U, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Khắc M, sinh năm 1962.

2/ Bà Hà Thị Yến L, sinh năm 1987.

(Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2025);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trịnh Văn H, Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: SAV.3-02.33 Lầu 2, Tháp S3, số 28 M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08 tháng 4 năm 2020, Công ty TNHH Thương mại xây dựng H (viết tắt là Công ty H) và Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 (viết tắt là Công ty H2) ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 0804/HĐMB về việc Công ty H cung cấp bê tông tươi phục vụ thi công công trình “Nhà máy điện gió V1-3 Bến Tre”. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Sau đó, đôi bên ký thêm phụ lục số 02 ngày 24 tháng 11 năm 2020, gia hạn thời gian hợp đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo hợp đồng, Công ty H cung cấp khối lượng bê tông 07 móng trụ Turbine là 8.100 m³ tương ứng với giá trị hợp đồng là 26.340.580.000 đồng. Thực tế thi công, thì Công ty H2 chỉ thi công 04 móng trụ Turbine, nên giá trị tương ứng là 15.051.760.000 đồng. Tính đến ngày 30 tháng 12 năm 2020, Công ty H đã cung cấp 2.370 m³ bê tông tương ứng với giá trị 7.943.400.000 đồng (đối với 02 móng trụ), Công ty H2 đã thanh toán 3.954.950.000 đồng, còn nợ 3.988.450.000 đồng.

Nay, nguyên đơn đồng ý trả cho bị đơn số tiền 500.000.000 đồng là số tiền bị đơn đã cho mượn. Về tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền 3.488.450.000 đồng (thay vì 3.988.450.000 đồng) tính từ ngày 25 tháng 02 năm 2021 đến ngày Tòa án xét xử là 42 tháng với lãi suất cơ bản 9%/năm là 1.098.861.750 đồng, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.098.000.000 đồng. Tổng cộng, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 5.086.450.000 đồng. Ngoài ra, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu

Tòa án áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu này là hết thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vận tải Liên hiệp H2 có Đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đôi bên có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 0804/HĐMB ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc cung cấp bê tông tươi phục vụ thi công công trình “Nhà máy điện gió V1-3 Bến Tre” như đại diện theo ủy quyền của Công ty H trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H thi công chậm, máy móc hư hỏng không đạt được công suất dẫn đến không đảm bảo tiến độ thi công và gây thiệt hại đối với Công ty H2. Vì vậy, Công ty H2 không đồng ý tiếp tục thanh toán số tiền còn lại theo yêu cầu của Công ty H.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, Công ty H2 có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án buộc Công ty H thanh toán số tiền 7.702.271.000 đồng, cụ thể như sau: Chi phí chênh lệch mua bê tông khối lớn với công ty L: 794.112.413 đồng; Chi phí thuê thiết bị và nhân công do kéo dài thời gian thi công: 3.368.252.224 đồng; Tiền cá nhân ông Nguyễn Văn Trung (Chủ tịch HĐQT công ty) cho mượn: 500.000.000 đồng; Tiền phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng: 1.664.741.241 đồng; Tiền mua thêm vật tư do chậm tiến độ không luân chuyển hệ cốp pha sản đạo: 1.375.165.129 đồng.

Tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút yêu cầu đối với: chi phí chênh lệch mua bê tông khối lớn với công ty L: 794.112.413 đồng và tiền phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng: 1.664.741.241 đồng; Đối với yêu cầu chi phí thuê thiết bị và nhân công, đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi yêu cầu với số tiền 7.761.847.977 đồng (trước đó, bị đơn yêu cầu là 3.368.252.224 đồng), tổng cộng nguyên đơn phải bồi thường số tiền 9.637.013.106 đồng.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1846/KDTM-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh đã tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại xây dựng H: Buộc Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 phải trả Công ty TNHH Thương mại xây dựng H số tiền 5.086.450.000 (Năm tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi ngàn) đồng (bao gồm: tiền nợ: 3.988.450.000 đồng, tiền lãi: 1.098.000.000 đồng) theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 0804/HĐMB ngày 08 tháng 4 năm 2020, được ký kết giữa Công ty TNHH Thương mại xây dựng H và Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2: Buộc Công ty TNHH Thương mại xây dựng H trả cho Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 số tiền nợ là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng;

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 về chi phí thuê thiết bị và nhân công do kéo dài thời gian thi công là 7.761.847.977 đồng và tiền mua thêm vật tư do chậm tiến độ không luân chuyển hệ cốp pha sản đạo là 1.375.165.129 đồng, do thời hiệu khởi kiện đã hết;

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 về chi phí chênh lệch mua bê tông khối lớn với công ty L là: 794.112.413 đồng và tiền phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng: 1.664.741.241 đồng;

5. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, hoãn thi hành án.

Ngày 09/9/2024 bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại xây dựng H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện bị đơn Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Bị đơn sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu xem xét còn thời hiệu khởi kiện và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phân tích và đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án số 1846/2024/KDTM-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng mua bán số 0804/HĐMB ngày 08/4/2020, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 03/9/2020; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 24/11/2020; các đơn đặt hàng ngày 04/9/2020 và ngày 30/9/2020, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn Công ty H và bị đơn Công ty H2 về việc mua bán sản phẩm bê tông tươi để phục vụ thi công công trình “nhà máy điện gió V1-3 Bến Tre” tại địa chỉ: Thềm bờ biển xã An Thủy, Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, với tổng giá trị hợp đồng 26.340.580.000 đồng.

Theo Công ty H thì quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 30 tháng 12 năm 2020, Công ty H đã cung cấp 2.370 m³ bê tông tương ứng với giá trị 7.943.400.000 đồng (đối với 02 móng trụ), Công ty H2 đã thanh toán 3.954.950.000 đồng, còn nợ 3.988.450.000 đồng.

Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H yêu cầu Công ty H2 trả số tiền mua hàng bê tông còn thiếu là 3.988.450.000 đồng - HĐXX nhận thấy:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 50 Luật thương mại 2005 quy định:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Luật thương mại 2005 quy định: *“Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa.”*

Tại bảng xác nhận khối lượng bê tông đợt 2 thể hiện từ ngày 04/9/2020 đến ngày 30/12/2020, Công ty H đã cung cấp 1.190 m³ bê tông, đồng thời Công ty H đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000331 ngày 23/01/2021 đối với 1.190 m³ bê tông nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Công ty H và Công ty H2 đều xác nhận Công ty H đã cung cấp cho Công ty H2 2.370 m³ bê tông, đã thanh toán 1.180 m³ còn lại không đồng ý thanh toán với lý do Công ty H cung cấp bê tông không đúng tiến độ, không đảm bảo tiến độ thi công... Như vậy, có cơ sở xác định Công ty H đã cung cấp và Công ty H2 đã nhận số lượng bê tông từ Công ty H và Công ty H2 chưa thanh toán tiền mua bê tông cho Công ty H theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000331 ngày 23/01/2021 đối với 1.190 m³ bê tông nêu trên với số tiền là 3.988.450.000 đồng, do vậy

Công ty H2 phải có trách nhiệm trả cho Công ty H giá trị của 1.190 m³ bê tông là 3.988.450.000 đồng theo yêu cầu của Công ty H là có cơ sở.

* Đối với yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền vi phạm nghĩa vụ – HĐXX nhận thấy:

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty H chỉ yêu cầu Công ty H2 trả tiền lãi từ ngày 25/02/2021 đến ngày 28/8/2024 với lãi suất là 9%/năm (tương đương 0,0075%/tháng), cụ thể: (3.988.450.000 đồng – 500.000.000 đồng) 3.488.450.000 đồng x 0,0075%/tháng x 42 tháng = 1.098.861.750 đồng, Công ty H chỉ yêu cầu Công ty H2 trả số tiền 1.098.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu này của Công ty H là có lợi cho Công ty H2 và là sự tự nguyện của Công ty H, nên chấp nhận.

* Xét, yêu cầu phản tố của Công ty H2 - HĐXX nhận thấy:

+ Đối với yêu cầu Công ty H trả số tiền 500 triệu đồng, nhận thấy: Căn cứ Giấy nộp tiền có nội dung Công ty H2 cho Công ty H mượn để thi công Dự án Bến Tre, và tại văn bản số 143 ngày 28/12/2020 (Bút lục số 281) thì Công ty H2 xác định là tiền mượn. Xét thấy tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty H thừa nhận Công ty H có nợ Công ty H2 số tiền 500.000.000 đồng và đồng ý trả cho Công ty H2, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty H2. Do đó, yêu cầu này của Công ty H2 là có cơ sở để chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 9.637.013.106 đồng bao gồm chi phí thuê thiết bị và nhân công do kéo dài thời gian thi công với số tiền 7.761.847.977 và yêu cầu tiền mua thêm vật tư do chậm tiến độ không luân chuyển hệ cốp pha sàn đạo là 1.375.165.129 đồng – HĐXX nhận thấy:

Ngày 08 tháng 4 năm 2020, Công ty H và Công ty H2 ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 0804/HĐMB về việc Công ty H cung cấp bê tông tươi phục vụ thi công công trình “Nhà máy điện gió V1-3 Bến Tre”. Công ty H và Công ty H2 là hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, thỏa mãn quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên xác định tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp về kinh doanh thương mại và luật tương ứng để áp dụng là Luật thương mại.

Căn cứ quy định tại Điều 319 Luật thương mại năm 2005 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là 02 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 237 của Luật này.”*

Quá trình tố tụng tại Tòa án, Công ty H2 trình bày do Công ty H thi công chậm tiến độ gây thiệt hại cho Công ty H2 nên không đồng ý trả nợ (bản tự khai ngày 15/7/2022, biên bản hòa giải ngày 04/8/2022.)

Ngày 24/01/2024, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn phản tố của Công ty H2 về việc bồi thường thiệt hại từ hợp đồng mua bán hàng hóa số 0804 ngày 08/4/2020.

Ngày 28/6/2024, Công ty H có đơn đề nghị áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu phản tố của Công ty H2 và yêu cầu đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của Công ty H2 do hết thời hiệu khởi kiện.

Theo Phụ lục hợp đồng số 02 (Bút lục số 303) thì ngày 31/12/2020 là ngày hết hạn của hợp đồng nêu trên. Ngày 10 tháng 5 năm 2021, Công ty H2 gửi văn bản cuối cùng số 74/2021/CV-HTL cho Công ty H về việc thông báo phạt chậm tiến độ trừ vào giá trị thanh toán tiền bê tông móng trụ 02. Như vậy, ngày 10 tháng 5 năm 2021 được xác định là thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty H2 bị xâm phạm. Ngày 24 tháng 01 năm 2024, Công ty H2 mới có đơn yêu cầu phản tố đối với Công ty H, đối chiếu với quy định tại Điều 319 Luật thương mại thì thời hiệu yêu cầu phản tố của Công ty H2 là đã hết. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu phản tố này của Công ty H2 do hết thời hiệu là có cơ sở, do đó, yêu cầu kháng cáo của Công ty H2 là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H2 cung cấp tài liệu chứng cứ là hợp đồng thi công xây dựng công trình số 157 giữa Tổng thầu EPC- Công ty Cổ phần kỹ thuật S và Công ty H2 để cho rằng tranh chấp giữa 02 Công ty là tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng không phải là hợp đồng mua bán hàng hóa, nhận thấy hợp đồng này không liên quan đến tranh chấp giữa Công ty H và Công ty H2; đối với tài liệu chứng cứ là đơn đặt hàng số 03 ngày 02/11/2020 giữa Công ty H và Công ty H2 thì Công ty H không thừa nhận có đơn đặt hàng này và 02 bên Công ty không tranh chấp đơn hàng này trong vụ kiện này, do vậy không có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về tiền lãi chậm thi án, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại theo Điều 306 Luật thương mại.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty H2 không được chấp nhận nên Công ty H2 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 1846/KDTM-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại xây dựng H:

Buộc Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 phải trả Công ty TNHH Thương mại xây dựng H số tiền 5.086.450.000 (Năm tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi ngàn) đồng (bao gồm: tiền nợ: 3.988.450.000 đồng, tiền lãi: 1.098.000.000 đồng) theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 0804/HĐMB ngày 08 tháng 4 năm 2020, được ký kết giữa Công ty TNHH Thương mại xây dựng H và Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2:

Buộc Công ty TNHH Thương mại xây dựng H trả cho Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 số tiền nợ là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng;

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 về chi phí thuê thiết bị và nhân công do kéo dài thời gian thi công là 7.761.847.977 đồng và tiền mua thêm vật tư do chậm tiến độ không luân chuyển hệ cốp pha sàn đạo là 1.375.165.129 đồng, do thời hiệu khởi kiện đã hết;

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 về chi phí chênh lệch mua bê tông khối lớn với công ty L là: 794.112.413 đồng và tiền phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng: 1.664.741.241 đồng;

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

6. Về án phí:

6.1 Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 113.086.450 đồng, Công ty TNHH Vận tải liên hiệp H2 đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 57.851.136 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0018535 ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận

Bình Thạnh; Công ty TNHH Vận tải Liên hiệp H2 còn phải nộp số tiền 55.235.314 (Năm mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn, ba trăm mười bốn) đồng;

- Công ty TNHH Thương mại xây dựng H phải chịu án phí là 24.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.194.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000065 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh;

Công ty TNHH Thương mại xây dựng H được hoàn lại số tiền 32.194.000 (Ba mươi hai triệu, một trăm chín mươi bốn ngàn) đồng.

[6.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công TNHH Vận tải Liên hiệp H2 phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng được trừ án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029082 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Quận Bình Thạnh;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú

